

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 98/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 31/12/2025.
V/v: “*Tranh chấp
yêu cầu ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Mến.

Bà La Thị Thu Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký toà án nhân dân khu vực 14, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14, TP Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân – gia đình thụ lý số: 305/2025/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp yêu cầu ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày: 019/12/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: LTTT, sinh năm 1982 – (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Tây Lạc, ấp AC, xã BM, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: NĐT, sinh năm 1973 – (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 9, xã HH, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị LTTT trình bày:

Chị T và anh T kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã La Sơn, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Việc ký kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 01 con chung là NBT, sinh ngày: 22/9/2004. Hiện nay đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay chị T xin vắng mặt.

Theo bản khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh NĐT trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, anh T trình bày đúng như chị T đã trình bày.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã nhau. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: có 01 con chung là NBT, sinh ngày: 22/9/2004. Hiện nay đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay anh T xin vắng mặt.

NHẬN XÉT CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: chị LTTT khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị T ly hôn với anh NĐT. Đây là tranh chấp về yêu cầu ly hôn, theo quy định tại khoản 1 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 14, TP Hồ Chí Minh. Viện kiểm sát thông báo không tham gia phiên tòa (Công văn số 56/CV-VKS ngày 10/12/2025). Chị T, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ (Bút lục số: 21,22), áp dụng Điều 21, Khoản 1, Điều 227, Khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Đại diện Viện kiểm sát, chị T, anh T.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị T và anh T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 02) nên là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Cả chị T và anh T đều thừa nhận có mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế (Bút lục số 23,24). Điều đó chứng tỏ giữa chị T và anh T không còn yêu thương, tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau. Trên thực tế thì anh chị không còn duy trì cuộc sống hôn nhân với nhau nữa. Do đó, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Về hôn nhân chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị T, anh T thừa nhận có 01 con chung là NBT, sinh ngày: 22/9/2004. Hiện nay đã trưởng thành (Bút lục số 23,24).

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai bên đều thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung (Bút lục 23,24).

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên chị T phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 21; Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1, Điều 227, Khoản 1, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị LTTT đối với anh NĐT.

[1] Về hôn nhân: Chị LTTT được ly hôn với anh NĐT.

[2] Về con chung: Có 01 con chung là: là NBT, sinh ngày: 22/9/2004. Hiện nay đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị T phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0029761 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh. Chị T đã nộp đủ án phí.

[5] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận.

- TAND TP Hồ Chí Minh.
- VKSND khu vực 14.
- Chi cục THADS khu vực 14.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Hoàng Ngọc Tuấn